

Bản án số: 473/2020/HS-PT
Ngày 19 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Hoàng Minh Thịnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 141/2020/TLPT- HS ngày 21 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Trương Thị B do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại Dương Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2020/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Bị cáo có kháng cáo:

Trương Thị B, sinh năm: 1985, tại tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Kinh doanh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở khi phạm tội: B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Thái C (sinh năm: 1960) và bà Trương Thị Đ (sinh năm: 1963); có chồng là Nguyễn Văn S (sinh năm: 1980); có 03 người con (lớn sinh năm 2003; nhỏ sinh năm 2016). Tại ngoại - có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Thanh H – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thanh H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông - có mặt.

Bị hại: Chị Dương Thị T - sinh năm 1984, địa chỉ: B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2009, Trương Thị B mở cửa hàng bán tạp hóa, thu mỗi ngày từ 100 đến 200.000 đồng, đủ phục vụ cuộc sống hàng ngày cho gia đình. Đầu năm 2013, B mở rộng kinh doanh thêm phân bón và thu mua cà phê nên phải huy động vốn của người khác. Tính đến ngày 29/3/2018, Trương Thị B đã vay 6.743.160.000 đồng và 107.202 kg cà phê, tổng cộng khoảng trên 11 tỷ đồng của Ngân hàng và 21 người khác trên địa bàn xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Thời điểm này, Trương Thị B có các tài sản gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 29, tờ bản đồ số 12, diện tích 33.153,3 m² tại B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đang thế chấp vay ngân hàng Công thương 01 tỷ đồng; Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 13, diện tích 5.935,8 m²; thửa đất diện tích 2,9 ha tại bon B, xã T; thửa đất diện tích 2.500 m² và thửa đất diện tích 3.800 m² tại B, xã T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; một số tài sản khác gồm: 01 xe mô tô Wave mua năm 2015 trị giá 3.500.000 đồng, 01 xe Wave mua năm 2018 trị giá 8.000.000 đồng, 01 xe máy cày trị giá 24.000.000 đồng, 01 cối sảy tiêu trị giá 100.000.000 đồng, phân bón trị giá 366.660.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản khoảng gần 5 tỷ đồng.

Trương Thị B biết rõ bản thân có tài sản trị giá khoảng gần 5 tỷ đồng nhưng số tiền nợ lên tới hơn 11 tỷ đồng, việc kinh doanh buôn bán hàng ngày không còn khả năng trả nợ nhưng B không tuyên bố vỡ nợ và dừng lại để giải quyết công nợ. Ngược lại, B toan tính để chiếm đoạt tiền của người khác rồi liên hệ và nói với người có tiền là cho B vay tiền để đáo hạn ngân hàng và mua bán đất. B đưa ra mức tiền lãi cao từ 2.000 đồng/triệu/ngày đến 8.000 đồng/triệu/ngày. Khi vay được tiền, B thường trả trước một phần để lấy uy cho nhiều người có tiền tin tưởng và lan truyền để B dễ lấy tiền của họ. Từ ngày 30/3/2018 đến ngày 13/5/2018, B chiếm đoạt tiền của 09 người, cụ thể như sau:

1. Đối với chị Nguyễn Thị Lệ T: Trương Thị B quen biết chị Nguyễn Thị Lệ T từ năm 2015 và là hàng xóm với nhau. Quá trình quen biết, B nhiều lần mượn tiền của chị T để làm ăn, hai bên thỏa thuận trả lãi 3.000 đồng/triệu/ngày, định kỳ 15 ngày, hàng tháng hoặc 06 tháng trả 01 lần. Đến ngày 29/3/2018, B còn nợ chị T tổng số tiền 1.400.000.000 đồng và 01 cây vàng SJC. Để tiếp tục lấy được tiền của chị T, B đã nói là đáo hạn ngân hàng cho B, hứa thế chấp quyền sử dụng đất và trả 3.000 đồng/triệu/ngày làm cho chị T tin tưởng đưa tiền cho B.

Sáng ngày 30/3/2018, B đến nhà chị T hỏi vay 300.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng cho B, thời hạn vay 01 tháng, tiền lãi 3.000 đồng/triệu/ngày. B hứa nêu đến hạn mà B chưa có tiền trả thì chị T được quyền canh tác, sử dụng mảnh đất B mua của ông Đ trị giá khoảng 2 tỷ đồng. Tin tưởng B nên chị T đưa cho B 300.000.000 đồng, Đến trưa cùng ngày, B đến nhà chị T hỏi vay thêm 300.000.000 đồng do thiếu tiền đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay và lãi suất như lần vay lúc sáng, Chị T tưởng thật nên đưa cho B thêm 300.000.000 đồng, Đến chiều cùng ngày, B tiếp tục đến nhà chị T nói còn thiếu 230.000.000 đồng đáo hạn ngân hàng nên hỏi vay chị T, thỏa thuận thời hạn trả và lãi suất như hai lần

trước thì chị T đưa cho B 230.000.000 đồng. Như vậy, trong ngày 30/3/2018, chị T đưa cho B 03 lần với tổng số tiền là 830.000.000 đồng. Lấy được tiền, B trả khoản vay đến hạn, một phần còn lại B sử dụng cá nhân.

2. Đối với chị Dương Thị T2: Trương Thị B quen biết chị Dương Thị T từ năm 2009 và là hàng xóm thân thiết với nhau. Từ tháng 10/2017, B đã nhiều lần vay tiền của chị T2 để làm ăn, hai bên thống nhất lãi suất và thời hạn trả. Đến hạn, B đã trả được một số khoản đầy đủ cả gốc và lãi, một số khoản chị T2 lấy tiền lãi theo tháng, còn tiền gốc cho B vay tiếp để lấy lãi. Đến ngày 01/04/2018, Trương Thị B nợ chị T2 tổng số tiền là 1.362.000.000 đồng và 23.400 kg cà phê nhân, trong đó số tiền 1.362.000.000 đồng đến hạn trả nhưng B chưa trả được còn 23.400 kg cà phê nhân chưa đến hạn trả.

Để tiếp tục lấy được tiền của chị T2, bằng thủ đoạn nêu trên, từ ngày 02/4/2018 đến ngày 13/05/2018, B đã 10 lần lấy được tổng số tiền của chị T2 là 2.905.000.000 đồng, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào ngày 02/4/2018, B đến nhà chị T2 hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng, tiền lãi B sẽ trả 4.000 đồng/triệu/ngày để kinh doanh tạp hóa, thời hạn vay là 01 tháng, chị T2 đã đưa cho B 100.000.000 đồng. Lấy được tiền, B trả khoản nợ đến hạn khác và một phần B sử dụng cho mình. Đến hạn, chị T2 đòi tiền thì B trả được 12.000.000 đồng, còn nợ 88.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào ngày 12/4/2018 (nhằm ngày 27/02/2018 âm lịch), B đến nhà chị T2 hỏi vay 230.000.000 đồng để mua đất, tiền lãi 4.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn vay là 01 tháng, chị T2 tưởng thật nên đưa cho B 230.000.000 đồng. Lấy được tiền, B trả khoản nợ đến hạn khác và một phần sử dụng cá nhân.

Lần thứ ba: Ngày 13/4/2018, B đến nhà chị T2 hỏi vay 60.000.000 để trả tiền B mua đất đang thiếu. B cũng nói trả lãi như lần vay trước, chị T2 tưởng thật nên đưa cho B 60.000.000 đồng. Lấy được tiền, B trả khoản nợ đến hạn khác và sử dụng cá nhân.

Lần thứ tư: Ngày 14/4/2018, B hỏi vay chị T2 225.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng cho các hộ dân, lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn vay là 01 tháng. Chị T2 tin tưởng nên đưa cho B 225.000.000 đồng. Lấy được tiền, B trả khoản nợ đến hạn khác và sử dụng cá nhân.

Lần thứ năm: Ngày 20/4/2018, B tiếp tục đến nhà chị T2 hỏi vay 800.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, B sẽ trả lãi 5.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn vay 10 ngày sẽ trả đủ gốc và lãi. Tin tưởng B nên chị T2 chuyển khoản vào số tài khoản của Nguyễn Văn M (*làm dịch vụ chuyển tiền*) 800.000.000 đồng cho B vay. Sau đó, vào ngày 19 và 20/4/2018, B nhờ M chuyển 750.000.000 đồng vào số tài khoản 050063224232 của Đỗ Kiên Q để trả nợ cho chị Đặng Thị Mỹ Th. Đến hạn trả, chị T2 đòi tiền, B đã trả được cho chị T2 20.000.000 đồng.

Lần thứ sáu: Vào ngày 27/4/2018, B tiếp tục đến nhà chị T2 hỏi vay 400.000.000 đồng để mua đất rẫy, tiền lãi 4.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn trả là ngày 13/5/2018 nhưng chị T2 chỉ có 300.000.000 đồng. Tin tưởng B nên chị T2 đưa cho B 300.000.000 đồng. Lấy được tiền, B sử dụng cho cá nhân.

Lần thứ bảy: Mặc dù khoản vay ngày 02/4/2018 đến hạn, B chưa trả được cho chị T2 nhưng ngày 05/5/2018 (nhằm ngày 20/3/2018 âm lịch), B hỏi vay chị T2 200.000.000 đồng để mua đất rẫy, lãi suất và thời hạn vay cũng như lần trước. Chị T2 tin tưởng nên đưa cho B 200.000.000 đồng. Cùng ngày, B tiếp tục hỏi vay chị T2 40.000.000 đồng cho đủ trả tiền mua đất, B sẽ trả cùng với khoản vay 60.000.000 đồng ngày 13/4/2018. Chị T2 tin tưởng nên tiếp tục đưa cho B 40.000.000 đồng. Như vậy, trong ngày 05/5/2018, chị T2 02 lần đưa tiền cho B với tổng số tiền là 240.000.000 đồng. Lấy được tiền, B trả các khoản nợ đến hạn khác và chi tiêu cá nhân, Đến hạn chị T2 đòi nợ nhưng B không trả được.

Lần thứ tám: Vào ngày 06/5/2018, B tiếp tục đến nhà chị T2 hỏi vay 100.00.000 đồng để đáo hạn cho các hộ dân, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 4.000đồng/triệu/ngày. Chị T2 tin tưởng nên đưa cho B 100.000.000 đồng. Lấy được tiền, B trả các khoản nợ đến hạn và sử dụng cá nhân.

Lần thứ chín: Vào ngày 10/5/2018, B đến nhà chị T2 hỏi vay số tiền 350.000.000 đồng để trả tiền mua đất, lãi suất 4.000đồng/triệu/ngày, thời hạn vay 01 tháng, B sẽ trả hết các khoản đang nợ chị T2. Do các khoản vay ngày 02/4/2018 và 13/4/2018 tổng cộng là 160.000.000 đồng sắp đến hạn nên chị T2 đưa cho B 350.000.000 đồng. Lấy được tiền, B cũng trả khoản nợ đến hạn khác và sử dụng cá nhân.

Lần thứ mười: Đến hạn trả 02 khoản vay của lần thứ tư và lần thứ bảy, ngày 12/5/2018, chị T2 đòi B trả tiền nhưng B bị ốm đang điều trị tại bệnh viện tỉnh Đắk Nông thì B nói là để lấy nợ của người khác trả cho chị T2. Đến ngày hôm sau, B gọi điện nói với chị T2 là người ta bị trễ chưa có tiền trả nên B hỏi chị T2 là B vay tiền của chị Nguyễn Thị T3 (sinh năm 1971 trú tại thôn Thuận B, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) để trả cho chị T2 được không thì chị T2 không nói gì nhưng gửi cho B số điện thoại của chị T3. B gọi điện hỏi vay chị T3 500.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng thì chị T3 nói là để xem đã. Chị T3 gọi điện cho chị T2 nói là B muốn vay tiền của chị T3 nhưng chị T2 phải bảo lãnh cho B vay thì chị T2 đồng ý. Sáng ngày 13/5/2018, chị T2 đã vay của chị T3 530.000.000 đồng để đưa cho B, sau đó, chị T2 cùng với chị T3 đến Bệnh viện tỉnh Đắk Nông thăm B ốm. Tại đây, chị T2 đưa tiền cho B, do tiền này chị T2 vay của chị T3 nên B ký giấy vay 500.000.000 đồng của chị T3. Sau đó, B đưa 500.000.000 đồng này trả hai khoản vay đến hạn gồm: 300.000.000 đồng ngày 27/4/2018 và 350.000.000 đồng ngày 10/5/2018 cho chị T2. Còn lại 150.000.000 đồng nhưng giấy nợ thể hiện B còn nợ chị T2 186.000.000 đồng. Khoản vay này, B vay chị T2 để trả nợ cho chính chị T2, còn chị T2 lại nợ chị T3.

Như vậy, tính đến ngày 13/5/2018, Trương Thị B lấy được của chị Dương Thị T tổng số tiền là 2.905.000.000 đồng, đưa lại được 532.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt của chị T2 2.373.000.000 đồng.

3. Đối với anh Lộc Thanh T4: Trương Thị B và anh Lộc Thanh T4 là hàng xóm thân thiết từ năm 2009. Quá trình quen biết, B có vay tiền anh T4 để làm ăn, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, B trả lãi hàng tháng. Đến ngày 30/3/2018, B

còn nợ anh T4 50.000.000 đồng. Để tiếp tục lấy tiền của anh T4, ngày 10/4/2018, B đến nhà anh T4 hỏi vay 03 cây vàng “999” để đáo hạn ngân hàng, lãi suất là 3.000.000 đồng/1 cây vàng/tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Anh T4 tin tưởng nên đưa cho B 03 cây vàng “999” tính thành tiền là 111.600.000 đồng. Đến ngày 11/4/2018, B tiếp tục đến nhà anh T4 hỏi vay 100.000.000 đồng để cho người khác vay lại, lãi suất 3.000 đồng/triệu/đồng, thời hạn vay là 01 tháng. Anh T4 tin tưởng nên đưa cho B 100.000.000 đồng. Vào ngày 08/5/2018, B tiếp tục đến nhà anh T4 hỏi vay 122.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, lãi suất là 2.000 đồng/triệu/ngày, khi cần anh T4 báo trước cho B 10 ngày để B trả. Tin tưởng B nên anh T4 tiếp tục đưa cho B 122.000.000 đồng. Lấy được tiền, B trả khoản nợ đến hạn và sử dụng cá nhân. Như vậy, B đã lấy của anh T4 03 lần với tổng số tiền là 333.600.000 đồng.

4. Đối với bà Trần Thị H: Trương Thị B quen biết bà H từ đầu năm 2018 thông qua ông Trương Thái C (là bố đẻ của B). Vào ngày 15/4/2018, tuy nợ hơn 11 tỷ đồng nhưng B cùng ông C đến nhà bà H hỏi vay 60.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng cho B, đáo hạn xong B sẽ trả cho bà H 1.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày. Do quen biết, thân thiết với ông C nên bà H đưa cho B 60.000.000 đồng. Lấy được tiền, B trả khoản nợ khác đến hạn và sử dụng cá nhân. Đến ngày 17/4/2018, một mình B đến nhà bà H hỏi vay 150.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, lãi suất 1.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn vay là 01 tháng. Tin tưởng B nên bà H đưa cho B 150.000.000 đồng. Lấy được tiền, B cũng trả khoản nợ khác và sử dụng cá nhân. Mặc dù khoản vay lần đầu đến hạn B chưa trả được nhưng ngày 02/5/2018, B vẫn tiếp tục đến nhà bà H hỏi vay thêm 50.000.000 đồng vì đang thiếu tiền đáo hạn ngân hàng, lãi suất như lần vay trước, thời hạn trả là ngày 08/5/2018, bà H vẫn đưa cho B 50.000.000 đồng. Tổng cộng B lấy của bà H 03 lần với tổng số tiền là 260.000.000 đồng.

5. Đối với vợ chồng chị Lê Thị N và anh Tống Văn S: Trương Thị B quen biết chị N và anh S từ khoảng năm 2009. Quá trình quen biết, B nhiều lần vay tiền và cà phê của anh S, chị N để làm ăn. Đến ngày 29/3/2018, B đã vay của anh S và chị N 10 lần với tổng số tiền là 3.972.000.000 đồng và 15.250 kg cà phê nhân, trong đó B đã trả đủ tiền gốc và lãi còn 15.250 kg cà phê nhân chưa đến hạn trả. Thời điểm này, B còn nợ rất nhiều người chưa có khả năng trả nhưng B vẫn tiếp tục đến hỏi vay tiền của chị N và anh S. Để lấy được tiền, B nói với chị N và anh S là B làm đáo hạn ngân hàng, B cũng tự đưa ra mức tiền lãi là từ 3.000 đến 8.000 đồng/triệu/ngày. Các lần vay tiền trước đó B đã thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi nên làm cho chị N và anh S tin tưởng đưa tiền cho B vay tiếp. Từ ngày 17/4 đến 11/5/2018, chị N và anh S đã 03 lần đưa tiền cho B với tổng số tiền là 1.050.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 17/4/2018, B đến nhà chị N hỏi vay 100.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng cho mình và đáo hạn ngân hàng cho bạn hàng tạp hóa, lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn vay là 7 ngày. Tin tưởng nên chị N đã đưa cho B 100.000.000 đồng. Lấy được tiền, B trả khoản nợ khác và sử dụng cá nhân.

Lần thứ 2: Vào ngày 09/5/2018, B đến nhà chị N hỏi vay 800.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, B sẽ trả lãi 8.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn vay là 7 ngày. Chị N đưa cho B 800.000.000 đồng. Lấy được tiền, B dùng để trả khoản vay đến hạn khác và sử dụng cá nhân. Đến hạn, chị N đòi thì B trả được 40.000.000 đồng.

Lần thứ 3: Vào ngày 11/5/2018, B gọi điện cho chị N hỏi vay 150.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay 7 ngày, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày thì chị N đồng ý. Tin tưởng B, chị N thông qua cháu T6 (sinh năm 2003, là con trai của B) đưa cho B 150.000.000 đồng. Lấy được tiền, B trả khoản nợ đến hạn khác và sử dụng cá nhân.

Như vậy, B đã lấy của chị N, anh S tổng số tiền 1.050.000.000 đồng B đưa lại được cho chị N, anh S 40.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt của chị N và anh S 1.010.000.000 đồng.

6. Đối với chị Bùi Thị V: Vào gần cuối tháng 4/2018, thông qua chị Hoàng Thị T, Trương Thị B đến nhà chị V hỏi vay tiền nhưng chị V không đồng ý vì không quen biết B. Sau đó, B nhờ chị Lê Thị T7 (sinh năm 1982, trú tại thôn 7, xã T) quen biết chị V, đứng ra bảo lãnh cho B vay tiền của chị V. Do chị T7 quen biết B đã lâu nên đồng ý đi cùng B đến nhà chị V. Chiều ngày 25/4/2018, B đi cùng chị T7 đến nhà chị V hỏi vay 350.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 10 ngày, chị V đồng ý với điều kiện chị T7 đứng ra bảo lãnh khoản vay thì chị T7 đồng ý. Tin tưởng B và chị T7 nên chị V đưa cho B 350.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày. Chị V viết giấy vay tiền đưa cho B ký người vay tiền và chị T7 ký tên người vay hộ (bảo lãnh). Lấy được tiền, B trả khoản nợ đến hạn khác và sử dụng cá nhân.

7. Đối với chị Đặng Thị Mỹ T8: Trương Thị B quen biết chị T8 từ khoảng năm 2013 thông qua việc buôn bán. Quá trình quen biết, B nhiều lần mượn tiền của chị T8 để đầu tư làm ăn. Đến cuối tháng 1/2017, B nợ chị T8 tổng số tiền 1.500.000.000 đồng. Sau nhiều lần đòi B trả tiền, đến 20/4/2018, B đã trả hết nợ cho chị T8. Thời điểm này, B vẫn nợ nhiều người không có khả năng trả. Vào ngày 03/5/2018, B gọi điện cho chị T8 hỏi mượn 400.000.000 đồng nói là để mua đất, B sẽ trả lãi 3.000 đồng/triệu/ngày, khi nào cần thì chị T8 báo cho B biết trước 10 ngày, B hứa thế chấp quyền sử dụng đất cho chị T8. Tin tưởng B, chị T8 nhờ con gái là Đỗ Thị Kim Chi chuyển vào tài khoản của B 304.000.000 đồng, còn 96.000.000 đồng chị T trực tiếp đưa cho B, B viết giấy vay tiền đưa cho chị T cùng với bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của B. Lấy được tiền, B trả khoản nợ đến hạn và chi tiêu cá nhân. Đến hạn, chị T8 đòi B trả tiền nhưng B không trả được. B thế chấp quyền sử dụng đất cho chị T8 nhưng ngày 15/5/2018, B đã sang nhượng cho người khác.

8. Đối với chị Lộc Thị Đ: B và chị Đ quen biết nhau do gần nhà, hàng xóm thân thiết. Vào khoảng 17 giờ ngày 06/5/2018, B gọi điện cho chị Đ hỏi vay 50.000.000 đồng để trả gấp tiền mua phân bón, B sẽ trả lãi 15%/tháng, thời hạn trả là cuối năm 2018. Chị Đ tin tưởng nên đưa cho B 50.000.000 đồng. Lấy được tiền, B trả khoản nợ đến hạn và sử dụng cá nhân.

9. Đối với anh Lộc Văn S: Trương Thị B gần nhà anh S, là hàng xóm thân thiết tiện B nhiều lần vay tiền của anh S để làm ăn, kinh doanh, đến hạn B trả đầy đủ gốc và lãi cho anh S nên anh S tin tưởng B. Vào ngày 13/5/2018, B gọi điện hỏi vay anh S 200.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, lãi suất là 3.000 đồng/triệu/ngày, thời hạn vay 10 ngày. Tin tưởng B nên anh S chuyển vào tài khoản của B 60.000.000 đồng và thông qua cháu T6 (con trai B) đưa cho B 140.000.000 đồng, B viết giấy vay tiền đưa cho S. Lấy được tiền, B trả khoản vay đến hạn và sử dụng cá nhân.

Sau ngày 30/3/2018 (khi mất khả năng chi trả), từ ngày 01/4/2018 đến ngày 09/5/2018, Trương Thị B đã lấy tổng số tiền là 2.881.051.590 đồng của 07 người gồm các anh, chị: Nguyễn Hữu K, Hoàng Thị S, Hoàng Thị A, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn S. Sau khi lấy được tiền, B đã sử dụng tài sản còn lại trả hết nợ và được người bị hại chấp nhận nên không cần thiết phải xử lý hình sự đối với Trương Thị B về hành vi này.

Như vậy, trước ngày 29/3/2018, Trương Thị B còn nợ của Ngân hàng và 21 người khác tổng trị giá khoảng trên 11 tỷ đồng. Từ ngày 30/3/2018 đến ngày 13/5/2018, Trương Thị B đã lấy của 16 người tổng số tiền 9.259.651.590 đồng. Trong quá trình vay và lấy tiền, B đã trả được một phần cho người vay là 572.000.000 đồng, dùng tài sản còn lại của mình trả được 2.881.051.590 đồng, còn lại chiếm đoạt 5.806.600.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số: 75, ngày 25/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Chữ viết trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu từ A01 đến A18*) so với chữ viết của Trương Thị B trên tài liệu mẫu (*ký hiệu M1; M2*) là do cùng 01 người viết ra; chữ ký (chữ viết) mang tên Trương Thị B trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu từ A01 đến A18*) so với chữ viết của Trương Thị B trên tài liệu mẫu (*ký hiệu M1; M2*) là do cùng 01 người viết ra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 365, ngày 18/11/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Nông kết luận: 30 chỉ vàng “999” ngày 10/4/2018 giá bán ra là 3.720.000 đồng, thành tiền là 111.600.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2020/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trương Thị B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Trương Thị B 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/3/2020 bị cáo Trương Thị B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10/3/2010 bị hại Dương Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trương Thị B thừa nhận hành vi phạm tội như nhận định và tuyên xử của bản án sơ thẩm nhưng xét xử bị cáo 10 năm tù là quá nặng. Bị cáo cho rằng do việc làm ăn thua lỗ nên bị cáo mất khả năng thanh toán mới phải vay mượn của nhiều người mục đích xoay vòng chứ không phải mục đích chiếm đoạt số tiền đó, thời điểm bị cáo vay tiền không phải từ tháng 3 - tháng 5/2018 như sơ thẩm nhận định mà thực chất là tiền nợ cộng dồn cả gốc lẫn lãi nhiều năm. Về phần lãi suất bị cáo đã hoàn trả cho các chủ nợ. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, 3 con nhỏ, bản thân là lao động chính nên đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại chị Dương Thị T có ý kiến: Đối với số tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của chị T2 là 2.373.000.000 đồng thì trong quá trình điều tra chồng bị cáo đã trả cho chị mảnh đất trị giá 550.000.000 triệu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Qua hồ sơ thể hiện Cơ quan điều tra không làm rõ ý thức chiếm đoạt của bị cáo; lãi suất mà các bị hại cho bị cáo vay rất cao, có dấu hiệu của tội phạm cho vay nặng lãi (mức lãi suất bị hại cho bị cáo vay cao hơn 5 lần mức lãi suất theo quy định của pháp luật), nên có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm; Việc xác định giá trị tài sản của bị cáo không xác định chính xác được; Phần nhận định bị cáo chiếm đoạt 5.800.000.000 đồng, nhưng lại Quyết định buộc bị cáo trả 5.600.000.000 đồng. Do đó, đề nghị huỷ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho cơ quan điều tra lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trong vụ án này toà sơ thẩm quy kết bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt chiếm đoạt của 9 bị hại. Tuy nhiên, qua hồ sơ thể hiện, trong 9 bị hại mà toà án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo đã chiếm đoạt tiền của họ thì chỉ có bà Trần Thị H, bà Bùi Thị V và bà Lộc Thị Đ là mới quen biết và cho bị cáo B vay vào khoảng từ tháng 3/2018 đến tháng 5/2018. Còn những người bị hại khác thì lời khai trong hồ sơ thể hiện các bị hại đã cho bị cáo vay trong suốt thời gian dài từ năm 2016 đến tháng 5/2018 và bị cáo trả đóng lãi đầy đủ cho các bị hại với mức lãi suất rất cao từ 90% đến 280%/ năm. Do đó, vấn đề đặt ra là bị hại có bị bị cáo lừa đảo hay không? Bị cáo có ý thức chiếm đoạt tiền của các bị hại hay không? Nếu cho rằng bị cáo lừa bị hại thì lý do gì bị cáo phải trả lãi cho bị hại hàng tháng và trả lãi rất cao.

Ngoài ra, tại phiên tòa bị cáo khai các khoản tiền mà Cơ quan điều tra và toà án quy kết cho bị cáo chiếm đoạt là các khoản tiền tính gộp lại trong suốt thời gian các bị hại cho bị cáo vay từ năm 2016 đến tháng 5/2018. Nhưng cơ quan điều tra và cấp sơ thẩm không làm rõ vấn đề trên.

Việc cơ quan điều tra xác định tài sản của bị cáo ít hơn số tiền bị cáo vay của những người khác để quy kết bị cáo lừa đảo là chưa chính xác. Bởi lẽ, tài sản là quyền sử dụng đất của bị cáo chưa được định giá đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên việc định giá tài sản của bị cáo nhiều hơn hay ít hơn cũng không là căn cứ xác định bị cáo có phạm tội.

Ngoài ra, như nhận định của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, trong vụ án này qua các lời khai của người bị hại thì mức lãi suất mà họ cho bị cáo vay rất cáo (trên 5 lần mức lãi suất theo quy định của pháp luật). Do đó, có dấu hiệu của tội cho vay nặng lãi, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm.

Để có căn cứ quy kết bị cáo B có lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những bị hại hay không? có bỏ lọt tội cho vay nặng lãi hay không thì cần thiết phải làm rõ các vấn đề trên. Nên hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông điều tra truy tố lại theo quy định pháp luật.

Do bản án sơ thẩm bị hủy, nên hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của bị hại Dương Thị T.

[2] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2020/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Giao hồ sơ lại cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông để điều tra, truy tố lại vụ án.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trương Thị B không phải chịu.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đắk Nông (1);
- VKSND tỉnh Đắk Nông (1);
- Công an tỉnh Đắk Nông (1);
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông (1);
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông (1);
- Bị cáo

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên

